TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 774/2024/HS-PT
Ngày: 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 550/2024/TLPT- HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo Bùi Văn H, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ và Nguyễn Văn T; do có kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Bùi Văn H, sinh năm 1984 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn H1 và bà Bùi Thị H2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2020 cho đến nay (có mặt).

2. Lê Hữu M, sinh năm 1988 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: xóm M, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê A và bà Lê Thị H3; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 12/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2018/HS-ST ngày 12/7/2018), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2020.

Nhân thân:

- Ngày 24/6/2005, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 1358 đưa vào cơ sở giáo dưỡng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn 02 năm;

- Ngày 15/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án ngày 01/9/2009;

- Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ", chấp hành xong bản án ngày 28/12/2013;

- Ngày 12/7/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2018/HS-ST ngày 12/7/2018), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2020;

- Ngày 07/6/2020 thực hiện hành vi "Giết người" ở thành phố D, tỉnh Bình Dương sau đó bỏ trốn. Ngày 21/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố bị can về tội "Giết người"; ngày 27/8/2021, quyết định tạm đình chỉ bị can số 21; ngày 09/7/2021 quyết định truy nã bị can (do bị can bỏ trốn). Ngày 13/9/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N khởi tố, tạm giam trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 05/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tuyên án tử hình đối với bị can (án không bị kháng cáo, kháng nghị). Ngày 07/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B phục hồi điều tra đối với bị can (hiện bị cáo đang bị tạm giam chờ thi hành án ở Trại tạm giam Công an tỉnh N - có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Dương Hữu Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: thôn Á, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Dương L (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/11/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 tháng tù về tội "Chứa chấp hoặc Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 464 ngày 27/11/2014); bị cáo đã chấp hành xong bản án; Ngày 07/6/2020 thực hiện hành vi phạm tội "Giết người"; ngày 21/7/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố bị can; ngày 27/8/2021 tạm đình chỉ điều tra bị can (bị can bỏ trốn); ngày 29/7/2021 truy nã bị can; ngày 30/9/2022 bị Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế B1, tỉnh Kon Tum bắt truy nã; ngày 07/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B phục hồi điều tra và tạm giam cho đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: thôn Á, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn B và bà Dương Thị L1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/5/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh

Bình Dương tuyên phạt 8.000.000 đồng về tội Đánh bạc (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 174 ngày 22/5/2015). Bị can chấp hành xong hình phạt và án phí 200.000 đồng vào ngày 07/9/2015; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2020 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Bùi Văn H *và bị cáo* Lê Hữu M*:* luật sư Lê Thị Ánh T1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Dương Hữu Đ *và bị cáo* Nguyễn Văn T*:* Luật sư Lê Mạnh C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp bị hại Nguyễn Văn T2*:*

1.1. Bà Ma Thị V sinh năm 1990 (vợ của ông T2 - có mặt).

1.2. Ông Nguyễn Văn T3 sinh năm 1971 (cha của ông T2 - có mặt).

1.3. Bà Đoàn Thị V1 sinh năm 1970 (mẹ của ông T2 - có mặt).

Cùng địa chỉ: số B đường L, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại* Nguyễn Văn T2*:* Luật sư Trần Quốc H4 và Luật sư Kiều Thị Thu H5 – Văn phòng luật sư Trần Quốc H4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: A – tập thể Bộ C2, H, Ô, Thành phố Hà Nội (ông H4 có mặt, bà H5 có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Hà Văn T4, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

3. Ông Trần Văn H6, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ C, khu phố C, phường T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: số I đường D, khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Á, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn chuyện tình cảm trước đó giữa Bùi Văn H và Phạm Thị N nên vào khoảng 13 giờ ngày 07/6/2020, khi H đang ở quán C3 thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cùng với bạn là Trương Xuân T6 và D

(chưa rõ lai lịch) thì nhận được tin nhắn của N hẹn gặp tại quán C3 để N và Nguyễn Văn T2 (bạn trai N) là chủ quán vịt nướng Vân Đình Thái M1 379 Chi nhánh II tại tổ C, khu phố F, C, phường T, thành phố D, Bình Dương nói chuyện thì H đồng ý.

Thời điểm này, Trần Văn K đang uống rượu, bia cùng với bạn là Nguyễn Văn H7, Nguyễn Văn T, Biện Văn Q1, Dương Hữu Đ, Lê Hữu M và Trần Văn Đ1 tại phòng trọ của O (chưa rõ nhân thân lai lịch) trong khu dân cư T, thuộc khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Lúc này, H sợ một mình gặp T2 và N sẽ bị đánh nên H gọi điện thoại cho Trần Văn K (H biết K là người có "tiếng nói" tại khu vực phường T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) và kể sự việc hẹn gặp N và T2 cho K nghe và nhờ K đi cùng đến quán C3 và nếu có xảy ra đánh nhau thì K, H sẽ đánh trả, K đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 07/6/2020, N đi cùng T2 trên một xe mô tô đến quán C3 để gặp H. Tại đây, hai bên nói chuyện và nảy sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau. N dùng tay tát vào mặt H 01 cái, H giơ tay chống đỡ. Thấy vậy, T2 đứng dậy dùng tay tát vào mặt H 01 cái thì Trương Xuân T6 và D đang ở gần đó dọa đánh nên T2 bỏ chạy về quán Vịt nướng Vân Đình Thái M1 379 Chi nhánh II ở gần đó còn N đi bộ về Trường mầm non H10 nơi N làm chủ (cách quán C3 khoảng 20 m).

Ngay sau khi xảy ra sự việc trên thì Trần Văn K và Nguyễn Văn H7 cũng vừa đến quán cà phê Đại Q2 gặp H, H kể lại sự việc cho K, H7 nghe việc H bị T2 đánh. Nghe vậy, K kêu H7 và H cùng đi đến quán Vịt nướng Vân Đình Thái M1 379 gặp T2 nói chuyện. Khi đi đến trước quán, K kêu T2 mở cổng để vào nói chuyện nhưng T2 không đồng ý. K nói: "Mày điện thoại cho ai đến đây nói chuyện cũng được". T2 không đồng ý. Lúc này, T2 cầm dao cùng những người trong quán cầm gậy đứng cản không cho K, H7 và H vào nên K, H7 và H bực tức, quay về nơi ở của H (cách quán khoảng 200 m) là nhà của anh Bùi Văn Q, (bạn H) thời điểm này Q không có ở nhà.

Sau khi H, K và H7 bỏ đi thì T2 cùng với Đới Xuân H8 và một người nam (chưa rõ nhân thân lại lịch), đi bộ đến quán C3 để T2 lấy xe mô mà T2 bỏ lại trước đó.

H, H7, K, khi về đến nơi ở của H thì H7 một mình điều khiển xe mô tô (không rõ biển số), đi khỏi nhà H để lấy hung khí, còn K, H vào trong nhà H. Sau đó, K kêu H điều khiển xe ô tô biển số 30A – 117.35 do H quản lý (xe do Q đứng tên chủ sở hữu), chở K quay trở lại quán C3. Lúc này, K gọi điện thoại kêu Lê Hữu M tập hợp thêm Biện Văn Q1, Dương Hữu Đ và Nguyễn Văn T đi phụ K đánh nhau, M nói lại đề nghị của K cho cả nhóm cùng nghe thì tất cả đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở M đi trước, T điều khiển xe mô tô chở Q1 đi sau, tất cả cùng nhau kéo đến khu dân cư Đ, thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi Đ chở M đến cổng khu dân cư Đ thì nhìn thấy T2, Hà Văn

T4 và 01 người nam (không rõ nhân thân lai lịch), cầm hung khí đi bộ từ hướng quán vịt Vân Đ2 đi vào cổng khu dân cư Đại Quang. Nhìn thấy sự việc trên nên Đ chở M quay trở lại khu dân cư T để tìm hung khí, sau đó M, Đ mua 02 dao bằng kim loại màu đen dài khoảng 50 – 60 cm tại một cửa hàng vật liệu xây dựng ở gần ngã 3 khu dân cư T, M cầm 02 dao, Đ chở M quay trở lại cổng khu dân cư Đ.

Riêng T điều khiển xe mô tô chở Q1 hướng tới khu dân cư Đại Quang nhưng khi đến đoạn đường gần khu vực Cổng công ty V4 thì nhìn thấy H7 nên dừng lại, H7 cầm một dao mã tấu tự chế (dạng lưỡi kiếm, dài khoảng 50 cm) và qua xe cho T chở; còn Q1 đi xe mô tô của H7, Q1 để 01 dao bằng kim loại dài khoảng 50-60 cm trên baga phía trước xe. Lúc này, Đ chở M cầm 02 dao chạy đến thì gặp T, H7 và Q1.

Cùng lúc này, H điều khiển xe ô tô chạy ra quán C3, nhìn thấy T2 điều khiển xe mô tô về thì K kêu H điều khiển xe ô tô ép xe làm Thái té ngã. Sau đó, K mở cửa sau xe, một tay cầm dao dài khoảng 40 cm, bản rộng khoảng 07 cm, một tay cầm 01 khẩu súng màu đen đuổi đánh T2. T2 bỏ xe chạy bộ về quán vịt của T2. Sau đó, K quay lại và lên xe ô tô cho H chở đi. T2 chạy về quán cầm một dao cùng với một số người trong quán (chưa rõ nhân thân lại lịch) cầm dao và gậy đi vào đường cổng khu dân cư Đại Quang để tìm K; thấy mọi việc có vẻ nghiêm trọng nên vợ T2 là bà Ma Thị V kêu nhân viên tại quán là Võ Ngọc P chạy đến quán vịt nướng Vân Đình Thái M1 chi nhánh 1 gọi cha ruột T2 là Nguyễn Văn T3 đến giúp T2.

Còn H, sau khi ép xe mô tô làm T2 té ngã, H tiếp tục điều khiển xe ôtô biển số 30A-117.35 chở K chạy đến ngã 3 cổng khu dân cư Đại Quang thì nhìn thấy nhóm của T2 đang cầm dao, gậy đi bộ từ hướng quán vịt Vân Đ2 đi vào cổng khu dân cư Đ nên H điều khiển xe tông vào nhóm của T2 nhưng nhóm T2 né tránh được. Sau đó, H điều khiển xe ô tô rẽ trái vào đường L chạy đến khu vực chợ T9.

Sau khi hay tin, ông Nguyễn Văn T3 chạy xe mô tô đến ngã 3 cổng khu dân cư Đại Quang thì thấy nhóm của T2 nên dừng lại và gọi nhóm của T2 đi về. Khi nghe ông T3 gọi thì nhóm của T2 lần lượt quay về quán vịt V của T2. Lúc này, hàng xóm của H là chị Nguyễn Thị V2 đang ở trong nhà thì nghe mọi người bàn tán về việc H đánh nhau với T2 nên đi bộ ra hướng cổng khu dân cư Đại Quang để xem thì thấy người dân xung quanh đứng bàn tán, sau đó V2 quay lại nhà V2; thời điểm này V2 gọi điện thoại cho H để khuyên ngăn rồi V2 tiếp tục đi đến quán C3 gặp và uống cà phê với Trương Xuân T6, D và bạn gái của T6 tên Y (chưa rõ nhân thân lai lịch).

Do chém T2 không thành nên H điều khiển xe ô tô chở K chạy đến khu dân cư Thông Dụng để tìm nhóm của H7, M, Đ, Q1, T. Khi đến khu vực cổng Công ty V4 (gần chợ T9), thì H, K nhìn thấy nhóm của H7 đang chạy đến nên H điều khiển xe ô tô quay lại; T chở H7 cầm kiếm; Đ chở M cầm 02 dao còn Q1 thì để dao ở baga trước xe mô tô, tất cả chạy theo phía sau xe ô tô của H, K. Khi đến quán vịt của T2, K mở cửa xe ô tô cầm theo dao cùng với H7, Đ, M và Q1 cầm dao xông vào quán còn T ngồi trên xe mô tô đứng chờ bên ngoài cửa quán. K, H7,

Q1, Đ, M dùng dao chém T2. T2 và nhân viên phụ quán là ông Hà Văn T4 và Trần Văn H6 dùng hung khí chống trả để phòng vệ. Tuy nhiên, nhóm của T2 bị nhóm của K ép vào trong nhà vệ sinh và bị nhóm của K chém nhiều nhát vào người. Sau đó, T2 bỏ chạy ra ngoài thì bị K cầm dao đuổi đâm trúng chân trái của T2. Còn Vũ Ngọc P1 vừa từ quán V5 1 chạy đến thì bị K dùng dao chém nhưng P1 tránh được và bỏ chạy; ông Nguyễn Văn T3 đang ở gần đó thấy vậy nên chạy đến can ngăn thì bị K dọa chém nên ông T3 dừng lại. Riêng H7 bị nhóm của T2 chém trúng tay nên bỏ chạy ra cổng quán lên xe mô tô của T đang chờ sẵn để T chở H7 bỏ chạy. K, Đ, M và Q1 cũng bỏ chạy khỏi hiện trường. Thái, ông H6 bị thương nặng, ông Hà Văn T4 bị thương ở tay phải. Ông Nguyễn Văn D1 điều khiển xe mô tô chở ông H6 ngồi giữa, anh Đới Xuân H8 ngồi sau ôm ông H6 đi cấp cứu, đi được một đoạn thì bị K điều khiển xe ô tô đụng vào phía sau xe ô tô của ông D1 làm cả 03 té ngã, K điều khiển xe ô tô bỏ chạy; riêng T2 được ông T4 đưa đến bệnh viện cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên T2 đã chết sau đó. Sau khi sự việc đánh nhau xảy ra, H đi bộ đến quán C3 và ngồi uống cà phê với V2, T6, D và Y.

Quá trình điều tra, H không thừa nhận biết việc Trần Văn K gọi cho H7, M, Đ, Q1 và T đến tham gia đánh nhau, Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, sự bất minh về thời gian, đoạn đường di chuyển khi gây án, dữ liệu trích xuất điện thoại, lời khai người làm chứng, lời khai của Đ, T và M đủ căn cứ bác bỏ lời khai không nhận tội của H; đủ căn cứ chứng minh H có vai trò đồng phạm với K và đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với T, quá trình điều tra T khai không biết H7, Đ, M và Q1 đem theo hung khí để gây án. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Đ, M và Q1 cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được, đủ căn cứ bác bỏ lời khai không nhận tội của T; đủ căn cứ chứng minh T có vai trò đồng phạm với K và đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội.

Nhóm của K bị thương, được T dẫn đến đến băng bó vết thương ở phòng khám M4, ở số D, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Cùng lúc này, bạn của K (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), điện thoại cho H (H vẫn đang ở quán C3), báo tin là có người trong nhóm bị thương. H nói: "Đưa vào viện băng bó đi". V2 đang ở gần H, nghe H nói chuyện nên hỏi: "Có chuyện gì" thì H nói: "Chuyện đàn ông với nhau". Sau đó, H, K cùng đến phòng khám M4 để xem thương tích của Đ, H7 và Mỹ. Sau khi rời phòng khám, H sợ gia đình T2 tìm đánh nên đến ở nhờ nhà người quen là ông Đặng Văn C1 (tạm trú ở phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông C1 không biết việc H và đồng bọn đã gây án). Còn K, H7, T, Đ, M và Q1 đến ăn cơm tối nhà người quen là anh Nguyễn Xuân H9 (tạm trú ở phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh H9 không biết K và đồng bọn đã gây án). Sau đó, K gửi anh H9 chiếc xe ô tô biển số 30A – 117.35 rồi tất cả bỏ trốn.

Ngày 08/6/2020 và ngày 17/6/2020, lần lượt H và T đến Công an đầu thú, H giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen; 02 sim Viettel 04G.

Riêng ngày 10/6/2021, K, H7 bỏ trốn đến nhà nghỉ K1, ở số B đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định sử dụng ma túy quá liều và tử vong. Còn Q1, Đ và M bỏ trốn đến ngày 30/9/2022, Đ bị Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế B1, tỉnh Kon Tum bắt truy nã; còn Mỹ, ngày 13/9/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N khởi tố, tạm giam trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 07/6/2020, ông Nguyễn Văn T3 giao nộp cho Công an 01 dao cán màu đen dài 30 cm, bản dao rộng 07 cm; 01 dao cán màu nâu dài 30 cm, bản dao rộng 08 cm; 01 đôi dép da màu đen

Ngày 08/6/2020, Nguyễn Xuân H9 giao nộp cho Công an chiếc xe ô tô biển số 30A – 117.35 là tang vật vụ án, bên trong xe ô tô có 01 khẩu súng màu đen, 05 viên đạn nhựa tròn màu trắng, 01 hộp tiếp đạn.

Ngày 09/6/2020, anh Bùi Văn Q thay mặt H, nộp cho Cơ quan điều tra 10.000.000 đồng để chuyển cho gia đình bị hại T2, bồi thường chi phí nằm viện nhưng gia đình T2 không nhận.

* *Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 680/TT.20 ngày 17/7/2020 của* Trung tâm pháp y Thành phố H*, kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân* Nguyễn Văn T2 *như sau:*

1. Các dấu hiệu chính qua giám định:

* Kết quả xét nghiệm mô bệnh học:

- Nhận xét đại thể:

+ Chảy máu dưới nội tâm mạc thất trái.

+ Chảy máu cơ nhú.

- Nhận xét vi thể:

+ Da: Đứt thủng.

+ Động mạch: Đứt thủng.

+ Não: Sung huyết.

+ Tim: Chảy máu dưới nội tâm mạc, tổn thương cơ tim cấp dạng tăng co.

+ Phổi: Xẹp phổi.

* Xét nghiệm độc chất làm theo phương pháp GC-FID-HS tại Trung tâm pháp y: Có 11,57 mg Ethanol/100ml máu tim thất phải.

* Xét nghiệm tìm kháng thể HIV: Dương tính.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân T2 bị đa vết thương, đâm gây đứt bó mạch kheo và chày trái; chết do choáng mất máu cấp.

** Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 396/2020/GĐPY ngày 01/9/2020 của* Trung tâm pháp y tỉnh B*, kết luận thương tích của* Hà Văn T4 *như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt trong cẳng tay phải 15 x 0.5 cm, đứt động mạch trụ, thần kinh giữa, thần kinh cơ bì, đứt cơ cánh tay quay, cơ nhị đầu cánh tay, cơ sấp tròn, rách bao khớp khuỷu, đã phẫu thuật khâu nối vi phẫu động mạch trụ, thần kinh giữa, thần kinh cơ bì, khâu cơ cánh tay quay, cơ nhị đầu, cơ sấp tròn, khâu bao khớp khuỷu tay phải. Di chứng: tổn thương nhánh thần kinh giữa, thần kinh cơ bì cẳng tay phải, hạn chế duỗi cẳng tay phải.

- Vết thương đốt 3 ngón III tay phải 1.5 x 0.1 cm, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên thiệt hại là 32% (ba mươi hai phần trăm).

** Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 270/2020/GĐPY ngày 03/7/2020 của* Trung tâm pháp y tỉnh B*, kết luận thương tích của* Trần Văn H6 *như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương vùng cổ trái hình vòng cung 7.5 x 0.2 cm, đứt tĩnh mạch cảnh ngoài, đã phẫu thuật cầm máu, khâu vết thương, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên thiệt hại là 14% (mười bốn phần trăm).

* Căn cứ Bản kết luận giám định số 4349/C09B ngày 31/08/2020 của C09B Bộ C2, kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng. Súng sử dụng khí nén chứa trong hộp tiếp đạn để bắn đạn hình cầu đường kính 06mm. Sử dụng khẩu súng nêu trên bắn đạn tới người có thể gây thương tích.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 136/2020/PY-TT ngày 14/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Văn H7 là suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngộ độc các chất Codein, M2, 6-Acetyl morphin; A1, M, MDMA, Ketamin.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 137/2020/PY-TT ngày 14/07/2020, của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận nguyên nhân tử vong của Trần Văn K là suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngộ độc các chất Codein, M3, 6-Acetyl morphin; A1, M, MDMA, Ketamin.

Ông Trần Văn H6 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 190.000.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị thương tích là 20.000.000 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian 02 tháng điều trị bệnh là 20.000.000 đồng; thu nhập bị giảm do sức khỏe giảm sút là 150.000.000 đồng.

Ông Hà Văn T4 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 262.000.000 đồng, bao gồm: chi phí điều trị thương tích là 40.000.000 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian 06 tháng điều trị bệnh là 72.000.000 đồng; thu nhập bị giảm do sức khỏe giảm sút là 150.000.000 đồng.

Nạn nhân Nguyễn Văn T2 có vợ là bà Ma Thị V, cha ruột là ông Nguyễn Văn T3, mẹ ruột là bà Đoàn Thị V1 và 02 con là cháu Nguyễn Mai P2, sinh ngày 29/3/2014 và cháu Nguyễn Mai Phương T7, sinh ngày 12/7/2018. Chị V, ông T3 và bà V1 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 1.834.611.827 đồng, bao gồm: chi phí thiệt hại tài sản bị hư hỏng tại quán V6 là 750.000 đồng; chi phí cấp cứu Thái là 8.861.827 đồng; chi phí mai táng 181.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng nuôi cháu P2 đến đủ 18 tuổi là 560.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng nuôi cháu T7 đến đủ 18 tuổi là 764.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 140.000.000 đồng; tiền bồi thường thiệt hại do quán vịt phải đóng cửa trong 06 tháng là 180.000.000 đồng.

Chiếc xe ô tô ô tô biển số 30A – 117.35, qua điều tra xác định là của anh Bùi Văn Q. Viêc H, K dùng chiếc xe ô tô trên thực hiện tội phạm, anh Q không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh Q.

Đối với Biện Văn Q1 hiện đã bỏ trốn nên ngày 29/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định truy nã khi nào bắt được xử lý sau.

Riêng Trần Văn K và Nguyễn Văn H7 đã chết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ phạm tội *"Giết người"*;

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Hữu M 16 (mười sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt tử hình tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2023/HS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo Lê Hữu M phải chấp hình phạt chung cho cả 02 bản án là tử hình; tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Hữu M để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Dương Hữu Đ 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ 30/9/2022.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Bùi Văn H 07 (bảy) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/6/2020.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 07/6/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2024, những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Mai Thị V3, bà Đoàn Thị V1, ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Mai Thị V3, bà Đoàn Thị V1, ông Nguyễn Văn T3 rút lại kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H vì H là người chủ mưu gây ra vụ án nhưng bị tuyên phạt mức án quá nhẹ; hơn nữa gia đình H nhờ cơ quan điều tra gửi 10.000.000đ bồi thường cho gia đình nhưng không đến chia buồn là không tôn trọng gia đình bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ phạm tội *"Giết người"* theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và các bị cáo không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đại diện hợp pháp của bị hại rút yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này, giữ nguyên mức án như Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo.

Đối với yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo H lên từ 13 năm đến 15 năm tù vì bị cáo H chính là người khởi xướng gây ra vụ án nhưng bị tuyên phạt mức án dưới khung hình phạt là không đủ tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Luật sư thống nhất quan điểm với đại diện Viện Kiểm sát là cần phải tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H mới đủ để răn đe và phòng ngừa tôi phạm. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo đã hành động rất manh động; bị cáo H đã nhờ K hỗ trợ cùng các bị cáo khác rất đông để giải quyết mâu thuẫn; H có vai trò cầm đầu, nguy hiểm nhất, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả

nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H *luật sư* Lê Thị Ánh T1 *trình bày:* Luật sư thống nhất tội danh mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo; bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ như cấp sơ thẩm đã nhận định, tham gia vụ án với vai trò thứ yêu nên đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ *trình bày:* tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại đã rút yêu cầu kháng cáo đối với các bị cáo, các bị cáo không kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét g cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

Xuất phát từ mẫu thuẫn tình cảm giữa Bùi Văn H với Phạm Thị N nên khoảng 13 giờ ngày 07/6/2020, N và Nguyễn Văn T2 hẹn gặp H tại quán C3 để giải quyết mâu thuẫn. Sợ bị T2 đánh nên H gọi điện cho Trần Văn K, Nguyễn Văn H7 đi hỗ trợ. Khi gặp N, N dùng tay tát vào mặt H 01 cái, H giơ tay chống đỡ; thấy vậy, T2 đứng dậy dùng tay tát vào mặt H 01 cái. Do H bị T2 đánh nên H, K và H7 tiếp tục đến quán vịt Vân Đ2 tìm T2 để giải quyết mẫu thuẫn; K dùng dao, súng (không phải súng quân dụng) đuổi đánh T2 nhưng T2 chạy thoát. Sau đó, H, K, H7 tiếp tục gọi Nguyễn Văn T, Biện Văn Q1, Dương Hữu Đ và Lê Hữu M mang theo dao quay lại quán V6 chém T2 và người phụ việc cho T2 là ông Hà Văn T4 và Ông Trần Văn H6. Hậu quả, bị hại Nguyễn Văn T2 bị đa vết thương, đứt bó mạch kheo và chày trái; mất máu cấp dẫn đến tử vong; bị hại Hà Văn T4 thương tích tỷ lệ 32%; Trần Văn H6 thương tích tỷ lệ 14%;

Bị cáo T, H tuy không trực tiếp chém các bị hại nhưng là người điều khiển xe chở K, H7 khi đến hiện trường gây án; trên tay H7 có cầm một dao mã tấu tự chế (dạng lưỡi kiếm, dài khoảng 50cm).

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ nhưng khi nghe H nhờ đi cùng để giải quyết mâu thuẫn là các bị cáo đồng ý ngay và mang theo hung khí để gây án.

Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ hành vi phạm tội, tuyên xử các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ về tội *"Giết người"* theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo; những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Ma Thị V, ông Nguyễn Văn T3, bà Đoàn Thị V1 rút yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Hữu M, Trần Văn T8 và Dương Hữu Đ. Xét việc rút kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo Lê Hữu M, Trần Văn T8 và Dương Hữu Đ.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt bị cáo Bùi Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo H không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo H đã đi đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo H đã bồi thường khắc phục 01 phần hậu quả; ông Bùi Văn H1 là cha của bị cáo H được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng vào các năm 1969, 1975; hiện là thương binh 4/4) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét vai trò tham gia vụ án của H: bị cáo H nhờ K đi cùng để giải quyết mâu thuẫn; H biết K đã rủ thêm đồng bọn đi chung và đem theo hung khí nhưng H vẫn bỏ mặc cho các bị cáo M, Đ thực hiện hành vi phạm tội dẫn đến hậu quả xảy ra là anh Thái tử v, ông T3, ông H1 bị thương. Ngoài ra, trong quá trình đi giải quyết mâu thuẫn H còn có hành vi đâm xe vào nhóm của bị hại T2 nhưng do nhóm của bị hại T2 né được nên chưa gây ra hậu quả. Như vậy, trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng nên vai trò tham gia của bị cáo H trong vụ án là cao hơn bị cáo T8 và bị cáo H và T8 cùng không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo H 7 năm tù, bằng mức án với bị cáo T8 là không tương xứng với vai trò của bị cáo H trong vụ án nên chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật về phân hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong các vụ án có tính chất, vai trò đồng phạm.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Ma Thị V, ông Nguyễn Văn T3, bà Đoàn Thị V1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, Điều 348, điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Ma Thị V, ông Nguyễn Văn T3 và bà Đoàn Thị V1 về yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hữu M và Dương Hữu Đ; giữ nguyên nội dung quyết định về mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hữu M và Dương Hữu Đ.

2. Chấp nhận kháng cáo của các đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Ma Thị V, ông Nguyễn Văn T3 và bà Đoàn Thị V1 về yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về phần hình phạt của bị cáo Bùi Văn H.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hữu M, Dương Hữu Đ phạm tội *"Giết người"*;

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Hữu M 16 (mươi sáu) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt tử hình tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2023/HS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo Lê Hữu M phải chấp hình phạt chung cho cả 02 bản án là tử hình; tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Hữu M để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Dương Hữu Đ 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ 30/9/2022.

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Bùi Văn H **10 (mười)** năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/6/2020.

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 07/6/2020.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn T2 là bà Ma Thị V, ông Nguyễn Văn T3, bà Đoàn Thị V1 không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh **Nguyễn Văn Khương** **Nguyễn Thị Cúc**